

LIÊN KẾT GIỮA HỘ NÔNG DÂN, HỢP TÁC XÃ VÀ DOANH NGHIỆP TRONG SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ LÚA, RAU MÀU TẠI TỈNH NAM ĐỊNH

BÙI THỊ VÂN ANH

Tóm tắt: Liên kết trong sản xuất và tiêu thụ nông sản là chìa khóa giúp phát triển một nền nông nghiệp hiện đại. Để đánh giá hiện trạng liên kết giữa hộ nông dân và doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ lúa, rau màu tại tỉnh Nam Định, bài báo sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi với khách thể là 105 hộ nông dân, 4 hợp tác xã và 2 doanh nghiệp tham gia liên kết. Kết quả nghiên cứu cho thấy, liên kết đã đem lại các hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường tích cực. Tuy nhiên, còn một số vấn đề đặt ra hiện nay như: các chuỗi liên kết đã hình thành và phát triển chưa đồng đều, nguồn lực còn thiếu; việc tích tụ, tập trung đất đai vẫn còn nhiều trở ngại... Để thúc đẩy liên kết bền vững giữa hộ nông dân và doanh nghiệp cần: quy hoạch các vùng sản xuất chuyên canh; hoàn thiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và hộ nông dân; đào tạo, tập huấn, hỗ trợ nâng cao năng lực, đặc biệt là đội ngũ quản lý hợp tác xã; nâng cao vai trò của chính quyền địa phương trong liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản...

Từ khóa: liên kết sản xuất, liên kết tiêu thụ, nông sản, Nam Định

Linkage between farming households, cooperatives and enterprises in production and consumption of rice and vegetables in Nam Dinh province

Abstract: Linkage in agricultural production and consumption is the key for the development of a modern agricultural. To assess the current status of linkage between farming households and enterprises in production and consumption of rice and vegetables in Nam Dinh province, this article employed questionnaire survey method with 105 farming households, 4 cooperatives and 2 enterprises participating the linkage. The research results show that the linkage has brought positive economic, social and environmental effects. However, some issues remain such as: the linking chains are forming and developed unevenly, the resources are lacking, land accumulation and concentration are still facing many obstacles... To promote sustainable linkages between farming households and enterprises, it is necessary to: Plan for specialized production areas; improve support policies for enterprises and farming households; provide training, coaching and supporting capacity building, especially for cooperative managers; enhance the role of local authorities in linkages for production, processing, consumption of agricultural products...

Keywords: production linkage, consumption linkage, agricultural product, Nam Dinh

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Liên kết trong sản xuất và tiêu thụ nông sản là chìa khóa giúp phát triển một nền nông nghiệp hiện đại, bảo đảm hài hòa lợi ích cho

các chủ thể tham gia. Mục tiêu của liên kết là góp phần bảo đảm các bên cùng có lợi, làm tăng hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về kinh tế.

Theo Nghị định 98/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 5/7/2018 “Hợp tác, liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (gọi chung là liên kết) là việc thỏa thuận, tự nguyện cùng đầu tư, sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của các đối tượng như nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan để nâng cao hiệu quả sản xuất và chất lượng sản phẩm nông nghiệp” [1].

Thời gian qua, tỉnh Nam Định đã xây dựng được nhiều chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản phát huy hiệu quả. Ngành nông nghiệp đã tập trung đầu tư phát triển sản xuất theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả, gắn với tái cơ cấu cây trồng, vật nuôi, phát triển các mô hình liên kết và xây dựng các vùng sản xuất tập trung, quy mô lớn, công nghệ cao. Nam Định hiện có gần 112 nghìn ha đất nông nghiệp, trong đó có 90 nghìn ha đất phù sa màu mỡ, trên 17 nghìn ha đất có mặt nước để nuôi trồng thủy sản [7].

Toàn tỉnh Nam Định hiện có 499 hợp tác xã (HTX) đang hoạt động với tổng số 376.813 thành viên. Việc đẩy mạnh liên kết giữa HTX - doanh nghiệp - nông dân đã hỗ trợ thành viên tham gia chuỗi giá trị từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm, là hướng đi tất yếu cho phát triển nền nông nghiệp hiện đại, bền vững, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao. Đến nay, Nam Định có 78 HTX thực hiện liên kết với các đối tác trong sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm. Các tác nhân tham gia liên kết thực hiện chuỗi sản xuất - chế biến - tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; có 1.136 chủ thể, trong đó gồm 997 hộ nông dân, 78 HTX và 33 doanh nghiệp [3].

Tuy bước đầu liên kết sản xuất giữa hộ nông dân, HTX và doanh nghiệp đã đạt được một số kết quả nhất định nhưng mô hình liên kết trong sản xuất và tiêu thụ nông sản tại tỉnh Nam Định còn nhiều hạn chế do những nguyên nhân khác nhau. Trên cơ sở phân tích khái quát thực trạng

liên kết giữa hộ nông dân, HTX và doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ lúa, rau màu, bài viết chỉ ra những hiệu quả và những vấn đề tồn tại trong liên kết, đồng thời đề xuất các giải pháp thúc đẩy liên kết bền vững giữa HTX, hộ nông dân và doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ nông sản tỉnh Nam Định.

2. CƠ SỞ DỮ LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Dữ liệu nghiên cứu

Các dữ liệu thứ cấp, bao gồm các báo cáo, các tài liệu thống kê của các cơ quan, ban ngành tỉnh Nam Định, các nguồn sách, báo, tạp chí, đề tài... đã được công bố về những vấn đề có liên quan đến nghiên cứu. Dữ liệu sơ cấp là các số liệu điều tra được thu thập từ khảo sát thực địa tại tỉnh Nam Định.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- *Phương pháp tổng hợp phân tích tài liệu thứ cấp*: số liệu thu thập được từ các báo cáo liên quan đến liên kết giữa hộ nông dân và doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ nông sản của Sở NN& PTNT tỉnh Nam Định, báo Nam Định, báo Nhân dân, Liên minh Hợp tác xã Nam Định, từ đó có được những đánh giá chính xác đối với hiện trạng liên kết ở vùng nghiên cứu.

- *Phương pháp khảo sát thực địa và phân tích số liệu nghiên cứu*: Sử dụng phương pháp khảo sát thực địa để thu thập dữ liệu từ 105 hộ nông dân tham gia liên kết trồng rau, màu ở 4 huyện (Nam Trực, Nghĩa Hưng, Xuân Trường, Ý Yên), trong đó có 93 hộ liên kết với doanh nghiệp, 12 hộ sản xuất độc lập. Ngoài ra, nghiên cứu đã khảo sát 2 doanh nghiệp, 4 hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Nam Định.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thực trạng liên kết sản xuất giữa hộ nông dân, HTX và doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ lúa, rau màu tại Nam Định

3.1.1. Hình thức liên kết

Hiện nay ở tỉnh Nam Định có các hình thức liên kết giữa hộ nông dân và doanh nghiệp (DN) trong sản xuất, tiêu thụ nông sản như sau:

- Doanh nghiệp liên kết trực tiếp với hộ nông dân: với mô hình liên kết tập trung theo chuỗi, doanh nghiệp tập trung đất đai, tạo vùng sản xuất lớn, chịu trách nhiệm cung cấp đầu vào và tổ chức, hướng dẫn kỹ thuật cho các hộ nông dân sản xuất. Đến vụ thu hoạch, doanh nghiệp trực tiếp thu mua nông sản để chế biến và tiêu thụ.

- Hợp tác xã (HTX) đóng vai trò trung gian, ký hợp đồng sản xuất, tiêu thụ nông sản với doanh nghiệp: HTX chịu trách nhiệm tổ chức sản xuất cho xã viên theo các yêu cầu của doanh nghiệp và tổ chức thu mua nông sản của các hộ xã viên bán cho doanh nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp trong thu mua nông sản của nông dân.

3.1.2. Phương thức liên kết

(1) Liên kết sản xuất theo chuỗi

Theo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Nam Định, toàn tỉnh có 39 chuỗi liên kết. Các doanh nghiệp hoặc HTX là “đầu tàu”, có vai trò lựa chọn cung cấp vật tư đầu vào, giám sát kỹ thuật trong suốt quá trình sản xuất, thu mua, chế biến, xây dựng thương hiệu, quảng bá, giới thiệu, tiêu thụ sản phẩm; đảm bảo các đối tác tham gia trong chuỗi thực hiện đúng hợp đồng liên kết; tổ chức sản xuất, kinh doanh theo đúng hướng dẫn và yêu cầu doanh nghiệp, HTX (gồm: 11 chuỗi trồng trọt; 10 chuỗi chăn nuôi; 15 chuỗi thủy sản; 3 chuỗi diêm nghiệp); lĩnh vực trồng trọt có 6 chuỗi do doanh nghiệp là chủ chuỗi, 5 chuỗi do HTX làm chủ chuỗi.

- *Doanh nghiệp là “đầu tàu”:*

Hình thức liên kết chuỗi giá trị do DN đầu tư vốn, phân bón, giống, công nghệ, kỹ thuật sản xuất và thu mua sản phẩm cho người dân. Trong mô hình này, doanh nghiệp thu gom, tích tụ đất của nông dân, quy hoạch lại đồng ruộng

thành các cánh đồng mẫu lớn, sau đó ký hợp đồng giao lại cho các hộ nông dân có năng lực và kinh nghiệm trực tiếp thực hiện sản xuất. Trong đó, doanh nghiệp đóng vai trò là nhà đầu tư sản xuất, tạo vùng nguyên liệu, kết nối sản xuất, xây dựng hạ tầng kỹ thuật, xây dựng hệ thống kho lạnh bảo quản giống, máy gặt, giã sấy lúa. Doanh nghiệp trực tiếp quản lý quy trình canh tác và chất lượng sản phẩm. Tất cả các hộ nông dân đều sản xuất một giống lúa trên một cánh đồng, doanh nghiệp cử cán bộ kỹ thuật cùng bám đồng, bám ruộng hướng dẫn quy trình kỹ thuật chăm bón, các hộ chỉ bỏ công chăm sóc. Khi thu hoạch, doanh nghiệp thu mua toàn bộ sản phẩm với mức giá thỏa thuận. Mô hình này phù hợp với những doanh nghiệp có năng lực tài chính lớn và thị trường tiêu thụ ổn định, được áp dụng khá thành công với một số mặt hàng như lúa gạo.

Thực tế cho thấy, liên kết sản xuất, đặc biệt là mô hình chuỗi khép kín từ sản xuất, chế biến đến phân phối và tiêu thụ sản phẩm đã tạo ra các khu sản xuất tập trung, cánh đồng mẫu lớn, vùng nguyên liệu lớn, đồng thời là cơ sở quan trọng để đưa các tiến bộ khoa học vào sản xuất theo quy trình công nghệ, tiêu chuẩn hóa các tiêu chí về chất lượng sản phẩm, tạo ra khối lượng hàng hóa đủ lớn đáp ứng yêu cầu của thị trường, khắc phục được những nhược điểm của mô hình kinh tế hộ nhỏ lẻ, manh mún.

Một số mô hình doanh nghiệp liên kết với nông dân sản xuất theo chuỗi điển hình như: Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) Toàn Xuân đã xây dựng chuỗi liên kết sản xuất với 10 HTX và 11 hộ nông dân (có diện tích sản xuất lúa tập trung từ 5 ha đến 100 ha) trên địa bàn tỉnh tập trung ở các huyện Nam Trực, Ý Yên, Hải Hậu, Nghĩa Hưng, Giao Thủy với diện tích 1000 ha lúa chất lượng cao, sản lượng gạo chế biến và tiêu thụ 8000 tấn/năm là sản phẩm gạo

an toàn đã được công nhận sản phẩm OCOP 4 sao năm 2019.

Liên kết sản xuất lúa giống giữa hàng nghìn hộ nông dân và Công ty Cường Tân trên diện tích gần 600 ha ở các huyện Trục Ninh, Nghĩa Hưng, Xuân Trường... Công ty Cường Tân cung cấp giống, chỉ đạo quy trình sản xuất, thu hoạch và thu mua bao tiêu toàn bộ sản phẩm để sơ chế, phân loại, bảo quản, đóng gói và cung ứng ra thị trường. Với hình thức thuê khoán lao động tại chỗ, Công ty góp phần giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho nông dân, hình thành các: "làng nghề sản xuất hạt lai F1". Qua đó, người nông dân được hưởng nhiều lợi ích như: được tham gia vào chuỗi liên kết sản xuất; được hỗ trợ về chính sách, nguồn vốn và định hướng cây trồng; được doanh nghiệp hỗ trợ về khoa học kỹ thuật, bao tiêu sản phẩm, thu mua với giá cả ổn định. Sự liên kết chặt chẽ này cũng đã từng bước nâng cao giá trị nông sản, giúp cho nhiều sản phẩm của các HTX và hội viên nông dân tiếp cận và đạt chuẩn OCOP cấp tỉnh.

Tuy đã đạt được một số kết quả tích cực nhưng hình thức liên kết này còn một số tồn tại như: số lượng liên kết kinh tế giữa doanh nghiệp và hộ nông dân chưa nhiều và chưa được nhân rộng, còn khiêm tốn so với tiềm năng phát triển; quy mô liên kết còn nhỏ, chủ yếu doanh nghiệp và hộ nông dân-liên kết ở quy mô nhỏ và trung bình (thể hiện ở cả diện tích cũng như số lượng hộ nông dân và doanh nghiệp tham gia liên kết); doanh nghiệp còn mất nhiều thời gian, chi phí cho việc tìm kiếm nguồn cung đầu vào như đất đai và tìm kiếm nguồn hàng chế biến, bảo quản, tìm kiếm thị trường phù hợp với nhu cầu liên kết; trong liên kết việc ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất còn ở phạm vi hẹp. Mặt khác, trong liên kết kinh tế giữa doanh nghiệp và hộ nông dân sản xuất theo hướng hữu cơ (Organic) còn ít, mới có một vài doanh nghiệp áp dụng,

mặc dù đây là xu hướng phát triển nông nghiệp trong tương lai.

- HTX nông nghiệp là "đầu tàu"

Nhiều HTX đã thể hiện được vai trò trong tổ chức liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm cho thành viên, tham gia tích cực vào các chuỗi liên kết giá trị. Tiêu biểu như mô hình sản xuất phân hữu cơ để sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP và công nghệ Nhật Bản của HTX Sản xuất, kinh doanh dịch vụ nông nghiệp Nam Cường, xã Yên Cường (huyện Ý Yên). HTX đã liên kết với các hộ dân quy hoạch vùng sản xuất tập trung với quy mô 7 ha để gieo trồng các loại rau cung cấp cho các cửa hàng, đại lý bán nông sản sạch/an toàn tại thành phố Nam Định, các tỉnh, thành lân cận như Ninh Bình, Hà Nội và các bếp ăn tập thể ở khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Nam Định với sản lượng 150 tấn/năm [5].

Do đặc thù của các HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh còn nhỏ lẻ, manh mún, lại thiếu chiến lược kinh doanh bài bản cho nên hầu hết các HTX khó tiếp cận được nguồn vốn từ chính sách hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết. Bên cạnh đó, sự hạn chế về nguồn nhân lực khiến cho những thủ tục về đấu thầu, đầu tư, chuẩn bị hồ sơ thanh quyết toán để giải ngân dự án không thể thực hiện. Do đó nhiều doanh nghiệp, HTX còn chưa mạnh dạn tham gia dự án liên kết.

(2) Liên kết tiêu thụ sản phẩm

Hợp tác xã được nông dân ủy quyền ký hợp đồng với doanh nghiệp, cung cấp vật tư đầu vào và tiêu thụ sản phẩm. Trong liên kết tiêu thụ sản phẩm, tuy không đóng vai trò trực tiếp đầu tư, tổ chức sản xuất và giám sát sản xuất như trong liên kết chuỗi khép kín, nhưng một số doanh nghiệp vẫn có những chính sách hỗ trợ nhất định, về giống hoặc một phần vốn, đối với các hộ nông dân sản xuất. Đây là cách thức để doanh nghiệp nâng cao mức độ cam kết và tin cậy giữa hai bên

tham gia liên kết ngoài những ràng buộc chính thức theo hợp đồng.

Ưu điểm của hình thức liên kết này là doanh nghiệp không phải liên kết trực tiếp với nhiều hộ nông dân quy mô nhỏ, doanh nghiệp sẽ giảm đáng kể chi phí khi ký hợp đồng với đầu mối là HTX; DN có vùng nguyên liệu ổn định về số lượng và đồng nhất về chất lượng do HTX có thể quản lý, đôn đốc các thành viên thực hiện quy trình sản xuất tại nông hộ nhằm đạt sản phẩm theo yêu cầu của doanh nghiệp.

Nghiên cứu cũng cho thấy, việc chọn những hợp tác xã mạnh, có tiềm lực kinh tế; ban quản lý có năng lực quản lý tốt để tổ chức sản xuất, có uy tín để tuyên truyền vận động người dân tham gia là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến thành công của mô hình cánh đồng lớn này. Một trong các HTX hoạt động tích cực, hiệu quả là HTX sản xuất, kinh doanh dịch vụ nông nghiệp Nghĩa Bình (huyện Nghĩa Hưng). HTX đã tham gia dồn điền, đổi thửa, xây dựng cánh đồng lớn; đổi mới, phát triển mạnh hệ thống dịch vụ phục vụ thành viên và nhân dân theo chuỗi giá trị sản phẩm từ dịch vụ đầu vào, giám sát các khâu của quá trình sản xuất đến thị trường đầu ra cho sản phẩm; đồng thời phối hợp với các công ty xây dựng mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp sạch, sản phẩm hữu cơ. HTX đã xây dựng được thị trường ổn định, có sức cạnh tranh cao, mạnh dạn ký hợp đồng tiêu thụ sản phẩm cho thành viên với các sản phẩm chủ lực như “Gạo nếp Bắc Nghĩa Bình”, “Gạo huyết rồng hữu cơ”.

(3) Hình thức liên kết khác

Có những liên kết chỉ mang tính thu mua và tiêu thụ sản phẩm thuần túy. Quan hệ liên kết này thực chất mang tính “thương mại” nhiều hơn là “liên kết”, tức quan hệ mua bán đơn thuần theo hợp đồng thay vì có thêm các hỗ trợ khác. Doanh nghiệp trong trường hợp này thường

không có nhu cầu (hoặc năng lực) giám sát chặt chẽ quá trình sản xuất các sản phẩm mà họ thu mua, mà sẽ dựa vào một bên thứ ba (hợp tác xã) hoặc các chứng nhận hợp pháp của sản phẩm. Điển hình cho hình thức liên kết này là việc thu mua rau màu của các doanh nghiệp từ các nhóm hộ nông dân hoặc hợp tác xã trồng rau.

Trong trường hợp này, quan hệ liên kết dọc được hình thành dựa trên mối liên kết ngang của nhiều hộ trồng rau, hợp tác xã rau, hoặc tổ liên kết trồng rau. Với liên kết ngang này, doanh nghiệp không chỉ đảm bảo được nguồn cung sản phẩm mà còn giảm được chi phí giao dịch và chi phí quản lý, thông qua việc nắm một đầu mối liên kết thay vì nhiều liên kết khác nhau với từng hộ.

Trong mô hình này HTX chỉ tổ chức thu mua nông sản của xã viên để bán lại cho doanh nghiệp, HTX chỉ đóng vai trò là đầu mối tiêu thụ nông sản. Với mô hình liên kết này người nông dân sẽ sản xuất theo hướng dẫn của HTX và bán sản phẩm nông nghiệp cho HTX khi thấy giá cả phù hợp. Ưu điểm của mô hình là người nông dân tự chủ sản xuất trên cánh đồng của mình. Nhược điểm của mô hình này là liên kết thường lỏng lẻo và độ rủi ro tương đối cao, tính chất sản xuất manh mún, lác hậu.

3.1.3. Hiệu quả liên kết giữa hộ nông dân và doanh nghiệp

(1) Về hiệu quả kinh tế

Mô hình liên kết theo chuỗi lúa gạo đạt hiệu quả kinh tế cao. Kết quả nghiên cứu cho thấy, phần lớn hộ nông dân được hỏi (93%) cho biết khi tham gia liên kết hiệu quả sản xuất tăng lên rõ rệt so với trước. Tuy nhiên cũng có không ít người (khoảng gần 1/3 số người được hỏi) cho biết họ chưa yên tâm với hiệu quả sản xuất. Các mô hình hiệu quả như: chuỗi liên kết sản xuất - tiêu thụ sản phẩm giống lúa lai, lúa thuần của Công ty Cường Tân, Công ty Cổ phần Giống cây trồng Nam Định, Công ty Cổ phần sản xuất

tổng hợp Xuân Trường, mô hình chuỗi liên kết sản xuất lúa gạo giữa Công ty TNHH Toàn Xuân (Công ty Toàn Xuân) và các hộ nông dân trong tỉnh.

Điển hình, Công ty Toàn Xuân đã có vùng nguyên liệu trong chuỗi liên kết tại tất cả các huyện của tỉnh Nam Định và một số tỉnh như Ninh Bình, Hải Dương. Các sản phẩm gạo trong sản xuất theo chuỗi đưa ra thị trường luôn có chất lượng ngon và ổn định, được người tiêu dùng chấp nhận giá cao hơn gạo thông thường từ 20 - 30% nên việc phân phối lợi ích trong chuỗi luôn được đảm bảo. Liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ lúa gạo chất lượng cao gắn với xây dựng thương hiệu gạo Nam Định giữa Công ty Toàn Xuân với các hộ nông dân tích tụ ruộng đất và các HTX trong tỉnh thu nhập của người dân/1 ha tăng khoảng 8 - 10% so với đại trà [10].

Đối với các hộ liên kết sản xuất rau màu theo chuỗi dưới sự tổ chức sản xuất của HTX, hiệu quả kinh tế mang lại cho các hộ dân tham gia liên kết sản xuất cao gấp 3 - 4 lần so với trồng lúa trước đây [5].

Như vậy, có thể thấy, đối với những hộ nông dân trồng lúa và trồng rau, việc tham gia vào liên kết đã giúp ổn định giá cả đầu vào, đầu ra và doanh thu; tạo thu nhập bền vững và tăng sự hài lòng, tự tin. Kết quả nghiên cứu thu được cũng cho thấy, đối với những hộ sản xuất với diện tích càng lớn thì đánh giá về hiệu quả liên kết càng ở mức độ cao.

(2) Hiệu quả xã hội

Có nhiều chuỗi liên kết đã được đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật gắn với việc xây dựng các sản phẩm OCOP, khẳng định được thương hiệu, chất lượng sản phẩm của nông sản địa phương. Đến nay, nhiều sản phẩm của các HTX trong tỉnh đã được đánh giá xếp hạng OCOP 3 sao, 4 sao. Tham gia chương trình OCOP, các HTX được nâng cao năng lực về xây dựng phương

án kinh doanh, quản trị sản xuất, phát triển và hoàn thiện sản phẩm, kỹ năng bán hàng, giới thiệu sản phẩm.

Điển hình, HTX sản xuất kinh doanh dịch vụ nông nghiệp xã Nghĩa Bình (huyện Nghĩa Hưng) đã đẩy mạnh liên kết với các hộ nông dân trồng lúa nếp và huyết rồng theo tiêu chuẩn VietGAP trên diện tích 15 ha, không chỉ bán sản phẩm đơn thuần mà HTX còn tiến hành xây dựng chuỗi giá trị cho mặt hàng này qua việc chế biến. Đến nay, HTX đã có 2 sản phẩm đạt chứng nhận OCOP cấp tỉnh năm 2021 gồm “Gạo Nếp Bắc Nghĩa Bình” (đạt 4 sao) và “Gạo Huyết rồng” (đạt 3 sao). Việc xây dựng thành công các sản phẩm gạo OCOP đã nâng cao giá trị hạt gạo Nghĩa Bình lên 10 - 15% so với gạo sản xuất đại trà, tăng thu nhập cho thành viên. Mỗi năm, HTX cung ứng hơn 20 tấn sản phẩm OCOP Gạo Nếp Bắc và 3 tấn gạo Huyết rồng, doanh thu đạt khoảng 2,5 tỷ đồng/năm, trở thành đơn vị điển hình tiên tiến hoạt động có hiệu quả, được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen.

Hiện nay, khu vực kinh tế tập thể, HTX của tỉnh có 110 sản phẩm OCOP, chiếm tỷ lệ 26% tổng sản phẩm OCOP toàn tỉnh. Năm 2023, lợi nhuận bình quân đạt 159,2 triệu đồng/HTX (tăng 45,1 triệu đồng/HTX so với năm 2022). Lợi ích kinh tế đối với các hộ thành viên được cải thiện. Thu nhập bình quân của thành viên/người lao động đạt 42 triệu đồng/người/năm. Qua đó đã đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu [4].

Đối với người nông dân, kết quả khảo sát cũng cho thấy, phần lớn các hộ nông dân tham gia liên kết được phỏng vấn đều cho rằng, liên kết với doanh nghiệp giúp nông dân yên tâm sản xuất, các hiểu biết về thị trường giá cả của người nông dân khi tham gia liên kết đã tốt hơn trước (97,1% số người được hỏi trả lời) và người nông

dân đã có ý thức hơn về sản xuất nông nghiệp khi tham gia liên kết với doanh nghiệp, việc tham gia các liên kết thông qua HTX tạo điều kiện và gắn kết người dân trong thôn lại với nhau, tạo cơ hội cho nông dân hợp tác và nhận được sự hỗ trợ từ chính quyền địa phương hoặc các tổ chức. Liên kết sản xuất tạo công ăn việc làm cho hộ nông dân (94,2%); công ăn việc làm tốt hơn so với 3 năm trước (75,7%); giúp thay đổi bộ mặt nông thôn, đời sống của người dân tăng lên (94,8%).

(3) Hiệu quả về môi trường

Liên kết không chỉ tạo ra lợi ích kinh tế và xã hội mà còn tạo ra lợi ích môi trường cho các hộ nông dân tham gia liên kết. Nhiều chuỗi liên kết sản xuất, người nông dân phải tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn sản xuất an toàn như: VietGAP, GlobalGAP, OCOP, truy xuất nguồn gốc... Kết quả khảo sát cho thấy, phần lớn người dân (91,3% số người trả lời) nhận xét rằng liên kết sản xuất giúp bảo vệ môi trường, ít sử dụng hóa chất độc hại hơn trước do tuân thủ các hướng dẫn của doanh nghiệp và HTX. Hầu hết các hộ nông dân (96,5%) cũng cho biết, quy trình sản xuất theo hợp đồng liên kết giúp tạo ra những sản phẩm sạch, an toàn hơn và liên kết sản xuất giúp bảo vệ môi trường, ít sử dụng hóa chất độc hại.

Trong chuỗi liên kết sản xuất lúa gạo của công ty TNHH Toàn Xuân, doanh nghiệp đặt ra tiêu chí xây dựng các cánh đồng có diện tích nhỏ nhất là 5 ha trở lên để tiện cho việc chăm sóc và kiểm soát tập trung phòng trừ dịch hại, áp dụng các quy trình công nghệ canh tác nông nghiệp sạch. Các vùng nguyên liệu đều được quy hoạch xa khu công nghiệp, chủ động tưới tiêu, giảm thiểu tối đa tác động về mặt môi trường để những sản phẩm đạt được chất lượng cao nhất. Chuỗi sản xuất từ cánh đồng đến sản phẩm cuối cùng trong quá trình chế biến không dùng bất cứ

chất bảo quản nào, giữ nguyên màu sắc, hương vị tự nhiên của gạo làm tăng giá trị sử dụng của sản phẩm. "Gạo sạch Toàn Xuân - Nam Định" là một trong những đơn vị sản xuất lúa gạo đầu tiên được công nhận là "Sản phẩm chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn" theo quy trình khép kín từ vùng nguyên liệu, hạt giống, quy trình canh tác, bảo quản không hóa chất được chế biến trên dây chuyền công nghệ hiện đại theo tiêu chuẩn HACCP [10].

Một số địa phương trong tỉnh đã xây dựng được các mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, sử dụng nhà màng, nhà kính, công nghệ tưới nhỏ giọt... tiêu biểu là mô hình trồng dưa, rau các loại áp dụng công nghệ cao trong nhà màng theo VietGAP của Công ty Cổ phần sản xuất và đầu tư nông nghiệp công nghệ cao Thần Nông (xã Đại Thắng, huyện Vụ Bản), quy mô 07 ha, sản lượng tiêu thụ 100 tấn/năm, lợi nhuận cao gấp 3 - 5 lần so với phương thức sản xuất truyền thống [8]. HTX sản xuất, kinh doanh dịch vụ nông nghiệp Nam Cường (xã Yên Cường, huyện Ý Yên) sản xuất sản phẩm chủ lực gắn với chuỗi giá trị, liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm rau, củ, quả sạch an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP. Đến nay, HTX có 8 sản phẩm được đánh giá xếp hạng OCOP 3 sao cấp tỉnh; đồng thời chế biến rom rạ, sản xuất tiêu thụ phân hữu cơ vi sinh theo công nghệ Nhật Bản [9].

3.2. Những vấn đề đặt ra trong liên kết giữa hộ nông dân, HTX và doanh nghiệp

(1) Liên kết phát triển chưa đồng đều, quy mô liên kết còn nhỏ

Phát triển nông nghiệp theo chuỗi giá trị tại địa phương giúp nông dân có phương án sản xuất, kinh doanh phù hợp, đạt hiệu quả kinh tế cao. Tuy nhiên, các chuỗi hiện nay phát triển chưa đồng đều, quy hoạch vùng còn lỏng lẻo, chưa có nhiều vùng sản xuất bảo đảm chất lượng theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP...

Nguồn lực dành cho xây dựng các chuỗi còn thiếu; các chuỗi đã hình thành đều ở quy mô trung bình và nhỏ, chưa xây dựng được nhiều mô hình tích tụ ruộng đất liên kết các vùng sản xuất. Bên cạnh đó, tỉnh chưa có chính sách đồng bộ, chính sách riêng khuyến khích phát triển chuỗi giá trị.

(2) Hợp đồng liên kết còn nhiều bất cập

Ý thức tuân thủ pháp luật của một số người dân trong quá trình thực hiện liên kết chưa nghiêm. Ruộng đất nhỏ, manh mún nên nhiều hộ dân không thấy được tầm quan trọng và sự cần thiết phải tham gia liên kết.

Một vấn đề khác, khi tham gia liên kết người dân phải sử dụng giống, quy trình sản xuất của doanh nghiệp, nếu sản phẩm tạo ra không đáp ứng theo yêu cầu của doanh nghiệp, doanh nghiệp sẽ không thu mua, người dân khó tiêu thụ sản phẩm. Trong khi đó, việc bán sản phẩm cho thương lái, việc thu mua diễn ra khá dễ dàng, thuận tiện cho người nông dân nên nhiều hộ nông dân không tham gia liên kết sản xuất với doanh nghiệp.

(3) Vai trò của HTX làm cầu nối giữa nông dân và doanh nghiệp còn mờ nhạt

Hợp tác xã là pháp nhân đại diện cho các hộ nông dân ký Hợp đồng liên kết nhưng quá trình sản xuất và tiêu thụ nông sản là do hộ nông dân và doanh nghiệp tự thực hiện. Năng lực quản lý và tài chính của nhiều HTX còn rất hạn chế, gây cản trở đến việc kết nối, tổ chức hộ nông dân tham gia liên kết.

(4) Những khó khăn khác

Doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn, mất nhiều thời gian, chi phí cho việc tìm kiếm địa bàn liên kết sản xuất. Việc tích tụ, tập trung đất đai còn nhiều trở ngại do người còn tâm lý “giữ đất”, e ngại xảy ra những biến động trong việc cho thuê quyền sử dụng đất.

3.3. Một số giải pháp thúc đẩy liên kết bền vững giữa HTX, hộ nông dân và doanh nghiệp

3.3.1. Quy hoạch các vùng sản xuất chuyên canh, xây dựng cơ sở hạ tầng, dịch vụ hậu cần phục vụ thu hoạch, chế biến, tiêu thụ sản phẩm

Quy hoạch các vùng sản xuất chuyên canh dựa trên các điều kiện sinh thái, thổ nhưỡng thích hợp nhất với loại cây con được quy hoạch, những diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng kém hiệu quả cần được tính toán để chuyển đổi sang các loại cây trồng, vật nuôi khác để liên kết kinh tế giữa doanh nghiệp, HTX và hộ nông dân phát huy được lợi thế về điều kiện tự nhiên.

Nam Định cần quyết liệt chỉ đạo các ngành, các địa phương đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển nền nông nghiệp toàn diện, theo hướng hiện đại gắn với phát triển các ngành công nghiệp, ngành nghề, dịch vụ.

Tiếp tục đầu tư kiên cố hóa kênh mương thủy lợi nội đồng các vùng sản xuất, hình thành các vùng chế biến công nghệ cao, khép kín tại vùng chuyên canh chính; xây dựng cơ sở hạ tầng, dịch vụ hậu cần để tăng hiệu quả liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm.

3.3.2. Hoàn thiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, HTX và hộ nông dân

Để thu hút các doanh nghiệp đầu tư phát triển kinh tế nông thôn theo hướng bền vững cần có các chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện khuyến khích doanh nghiệp như:

Về chính sách tài chính (hỗ trợ thuế, hỗ trợ cho doanh nghiệp và hộ nông dân vay vốn sản xuất kinh doanh): Cần đơn giản hóa các thủ tục, quy định về thẩm định các điều kiện được vay vốn chặt chẽ hơn; Đặc biệt cần hỗ trợ cho doanh nghiệp nông nghiệp, hộ nông dân vay vốn ưu đãi để sản xuất nông nghiệp ở các khâu mua cây con giống; Đầu tư nhà xưởng, thiết bị máy móc ứng

dụng công nghệ cao; Mở rộng diện tích sản xuất, đồn điền đổi thửa với lãi suất hợp lý, dài hạn đủ để doanh nghiệp nông nghiệp và hộ nông dân thu hồi vốn và có lãi.

Đưa ra những ưu đãi cần thiết đối với dự án nằm trong danh mục có tính chất trọng tâm, trọng điểm để khuyến khích doanh nghiệp đầu tư.

Cần bổ sung chính sách hỗ trợ cụ thể trực tiếp cho các doanh nghiệp, HTX nông nghiệp thực hiện chuyển đổi số, xây dựng mô hình nông nghiệp xanh, kinh tế tuần hoàn, các mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật thích ứng với biến đổi khí hậu nhằm nâng cao năng lực hoạt động HTX để thực hiện tốt liên kết tiêu thụ theo chuỗi giá trị.

3.3.3. Đào tạo, tập huấn, hỗ trợ nâng cao năng lực cho các HTX, đặc biệt là quản lý hợp tác xã

Nhà nước cần hỗ trợ phát triển các HTX nông nghiệp, hỗ trợ nâng cao năng lực để các HTX nông nghiệp đủ mạnh, đủ sức làm trung gian liên kết giữa nông dân với doanh nghiệp hoặc làm chủ chuỗi sản xuất.

Tăng cường hỗ trợ các HTX xây dựng tổ chức bộ máy và nhân lực. Tập trung đào tạo, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ HTX về kỹ năng quản trị, xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh, kết nối thị trường, tiếp cận vốn, xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu sản phẩm phối hợp đào tạo, tập huấn, nâng cao trình độ cho cán bộ hợp tác xã, đặc biệt là các kỹ năng về tài chính, hợp đồng, thị trường, hội nhập.

Mở các lớp tập huấn cho chủ thể tham gia liên kết chuỗi nâng cao nghiệp vụ; đồng thời, thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin truy xuất nguồn gốc, sử dụng mã QR để minh bạch thông tin sản phẩm trên thị trường. Cần hướng dẫn, hỗ trợ tư vấn xây dựng chuỗi, đào tạo, tập huấn kiến thức cho hợp tác xã sản xuất, kinh doanh, kiến thức và kỹ năng thị trường, quy trình kỹ thuật

sản xuất, tổ chức sản xuất, giám sát, bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm...

3.3.4. Nâng cao vai trò của chính quyền địa phương

Chính quyền địa phương cần tạo điều kiện cho DN, HTX đầu tư vào nông nghiệp, liên kết sản xuất, tích tụ ruộng đất để hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung theo thể mạnh của từng vùng, gắn với đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật. Cùng với đó, làm tốt vai trò quản lý nhà nước trong việc giám sát ký kết hợp đồng giữa bên sản xuất và bên tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, bảo đảm nguyên tắc các bên tham gia liên kết cùng có lợi, tuân thủ các điều khoản trong hợp đồng.

Các ngành chức năng cần tạo điều kiện cho các HTX vay vốn với lãi suất ưu đãi để mở rộng quy mô sản xuất; tham gia hội chợ quảng bá, giới thiệu sản phẩm, ký kết hợp đồng tiêu thụ với doanh nghiệp... Có cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng, máy móc thiết bị, kho tàng, nhà xưởng chế biến, nhằm hoàn thiện chuỗi liên kết. Xây dựng chính sách cho vay vốn với lãi suất ưu đãi để hợp tác xã đầu tư xây dựng khu chế biến, sơ chế rau khi vào vụ thu hoạch... Bên cạnh đó, cần có những chính sách hỗ trợ cho người dân, như chi phí chứng nhận, bảo hộ nhãn hiệu, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, kiểm nghiệm, đăng ký mã số, mã vạch, cung cấp dịch vụ tư vấn về phát triển sản phẩm nông nghiệp an toàn.

Tiếp tục tháo gỡ những rào cản về đất đai, mở rộng hạn điền, tích tụ tập trung ruộng đất tạo điều kiện cho người nông dân có quy mô đất nông nghiệp đủ lớn, yên tâm nghề nông, tăng vị thế trong liên kết.

3.3.5. Tuyên truyền nâng cao nhận thức, năng lực của người nông dân

Cần tuyên truyền để người dân thấy được tầm quan trọng của việc tuân thủ các điều khoản trong hợp đồng liên kết; phối hợp với các đơn vị

có liên quan mở lớp tập huấn, chuyển giao khoa học, kỹ thuật và cách thức tổ chức sản xuất cho nông dân. Nâng cao năng lực hộ nông dân về trình độ tổ chức sản xuất gắn với kiến thức và kỹ năng với tư duy của nền kinh tế nông nghiệp chứ không chỉ là tư duy sản xuất nông nghiệp-

Thực hiện đồng bộ các giải pháp để nâng cao năng lực chủ thể pháp luật của nông dân; đó là trình độ hiểu biết pháp luật và năng lực thực thi pháp luật trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Đây là cơ sở để nông dân bảo vệ có hiệu quả các quyền và lợi ích chính đáng của mình.

4. KẾT LUẬN

Liên kết giữa hộ nông dân và doanh nghiệp trong sản xuất nông nghiệp có tầm quan trọng đặc biệt trong phát triển kinh tế và rất cần thiết trong thời điểm hiện nay. Kết quả nghiên cứu thực trạng liên kết giữa hộ nông dân với doanh nghiệp và HTX tại tỉnh Nam Định cho thấy, bên cạnh

những hiệu quả, lợi ích đạt được cho các bên tham gia trong sản xuất, tiêu thụ một số nông sản tỉnh Nam Định còn những hạn chế nhất định.

Đề thúc đẩy liên kết bền vững giữa hộ nông dân, HTX và doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ một số nông sản tại Nam Định, cần: i) Quy hoạch các vùng sản xuất chuyên canh, xây dựng cơ sở hạ tầng, dịch vụ hậu cần phục vụ thu hoạch, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; ii) Hoàn thiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, HTX và hộ nông dân; iii) Đào tạo, tập huấn, hỗ trợ nâng cao năng lực cho các HTX, đặc biệt là đội ngũ quản lý hợp tác xã; iv) Nâng cao vai trò của chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng trong liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản; v) Tuyên truyền nâng cao nhận thức, năng lực và ý thức pháp luật của người nông dân trong liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản.

Bài báo là sản phẩm của đề tài khoa học cấp Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam: “Liên kết giữa hộ nông dân và doanh nghiệp trong sản xuất, tiêu thụ một số nông sản tại tỉnh Thái Bình và Nam Định”, theo Hợp đồng số 127/ HĐKH – KHXH, ngày 19/01/2023.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chính phủ (2018). *Nghị định số 98/2018/NĐ- CP ngày 5/7/2018 về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp*
2. Lam Hồng (2023). *Đẩy mạnh liên kết hợp tác xã doanh nghiệp nông dân*. Báo Nam Định điện tử ngày 3/5/2023. <https://baonamdinh.vn/kinh-te/202305/day-manh-lien-ket-hop-tac-xa-doanh-nghiep-nong-dan-04a5663/>
3. Lam Hồng (2024). *Các hợp tác xã năng động trong sản xuất kinh doanh*. Báo Nam Định điện tử ngày 31/1/2024. <https://baonamdinh.vn/kinh-te/202401/cac-hop-tac-xanang-dong-trong-san-xuat-kinh-doanh-979029a/>
4. Lam Hồng (2024). *Liên kết doanh nghiệp nhà nông trong sản xuất nông nghiệp*. Bài đăng trên Báo Nam Định điện tử ngày 29/1/2024. <https://baonamdinh.vn/kinh-te/202401/lien-ket-doanh-nghiep-nha-nongtrong-san-xuat-nong-nghiep-d330ab7/>
5. Trần Khánh (2023), *Hiệu quả liên kết chuỗi trong sản xuất nông nghiệp ở Nam Định*. <https://nhandan.vn/hieu-qua-lien-ket-chuoi-trong-san-xuat-nong-nghiep-o-nam-dinh-post787247.html>
6. Sở NN&PTNT tỉnh Nam Định (2024). *Nam Định tích cực chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp*. <https://sonnptnt.namdinh.gov.vn/chuyen-doi-so/nam-dinh-tich-cuc-chuyen-doi-so-trong-san-xuat-nong-nghiep-304916>
7. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2024). *Mô hình liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ lúa gạo chất lượng cao của công ty TNHH Toàn Xuân*. <https://vukehoach.mard.gov.vn/Webcontent/MoHinh.aspx?ID=137>

Thông tin tác giả:

Bùi Thị Vân Anh - Viện Địa lý nhân văn, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam
Địa chỉ liên hệ: Số 176 Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội
Email: vananh1509@gmail.com; Điện thoại: 0983351115

Nhật ký tòa soạn

Ngày nhận bài: 01/04/2024
Biên tập: 6/2024